



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017
CÔNG TY CỔ PHẦN NAM DƯỢC

HÀ NỘI, THÁNG 03 NĂM 2018



I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Nam Dược

Tên tiếng Anh: NAM DUOC JOINT STOCK COMPANY

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101452595

Vốn điều lệ: 56.800.000.000 đồng

Địa chỉ: Lô A7/D21, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số điện thoại: 024.62691602 Số fax: 024.62698623

Website: www.namduoc.vn

Mã cổ phiếu : NDC

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Nam Dược được thành lập vào ngày 01/01/2004, được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chính thức cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 04 tháng 03 năm 2004, có vốn điều lệ 3.500.000.000 đồng (Ba tỷ năm trăm triệu đồng), với 23 cổ đông sáng lập. Trụ sở chính tại số 02, ngách 26/31, ngõ 26 Nguyễn Hồng, phường Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội. Lĩnh vực kinh doanh thời điểm đó của công ty là kinh doanh, đại lý mua bán, ký gửi dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm; trang thiết bị y tế; Tư vấn, đào tạo và dịch vụ chuyển giao công nghệ dược, mỹ phẩm.

Tháng 9 năm 2006, Công ty hoàn thành việc xây dựng nhà máy sản xuất dược phẩm theo tiêu chuẩn GMP - WHO, GSP, GLP và là một trong những doanh nghiệp đầu tiên ở phía Bắc có nhà máy sản xuất dược phẩm đạt tiêu chuẩn này.

Sau khi hoàn thành nhà máy đạt tiêu chuẩn GMP- WHO, Nam Dược đã tập trung sản xuất đa dạng các mặt hàng tân dược và đông dược để tiến vào thị trường bảo hiểm bệnh viện. Tuy nhiên, sau khi các sản phẩm của Nam Dược bắt đầu xâm nhập dược vào hầu hết các hệ thống bảo hiểm trên toàn quốc thì gặp nhiều khó khăn do khủng hoảng tài chính mà đỉnh cao khủng hoảng là cuối năm 2008.

Tháng 06/2009: Đại hội cổ đông với việc quyết định chiến lược chỉ tập trung chuyên sâu chiến lược phát triển thuốc Nam, từ bỏ sản xuất các sản phẩm tân dược.

Tháng 11/2009: Bắt đầu xây dựng lại hệ thống mới hoàn toàn, bắt đầu từ miền Bắc và hoàn thiện dần hệ thống phân phối và cùng thời điểm này thực hiện tăng vốn điều lệ lên 56.800.000.000 đồng (Năm mươi sáu tỷ tám trăm triệu đồng).

Từ 11/2009 đến nay, Nam Dược chứng kiến sự phát triển mạnh mẽ và vượt bậc trên trong sản xuất và ngoài thị trường. Một số sản phẩm của công ty đã trở thành những sản phẩm dẫn đầu thị trường. Thương hiệu Nam Dược từng bước phát triển vững mạnh và uy tín trong lòng khách hàng.

Năm 2011, Nam Dược được Thủ tướng Chính phủ trao tặng giải Vàng chất lượng quốc gia và trở thành doanh nghiệp dược phẩm đầu tiên đạt được giải thưởng này.

Năm 2012, Nam Dược hợp tác với tổ chức Biotrade của Thụy Sĩ triển khai các vùng trồng dược liệu theo tiêu chuẩn GACP - WHO tại Hải Hậu – Nam Định. Đây cũng là một bước tiến khẳng định định hướng chất lượng của Nam Dược

Tháng 05/2013: Nam Dược hợp tác cùng với tổ chức tư vấn chiến lược và quản trị tổ chức OCD trong việc xây dựng lại định hướng chiến lược và hệ thống quản trị nhân sự cho giai đoạn phát triển 2014-2018.

Tháng 12/2013, Nam Dược thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 9 và chuyển trụ sở chính về địa chỉ: Lô A7/D21, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tháng 3/2014, Nam Dược vinh dự được Bộ trưởng Bộ Y tế trao tặng Bằng khen vì những thành tích trong công tác kế thừa và phát triển Y Dược cổ truyền Việt nam. Điều này khẳng định sứ mệnh vì sự nghiệp phát triển thuốc Nam của người Việt mà công ty đang theo đuổi.

Tháng 09/2014, Nam Dược vinh dự được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Lao động hạng 3.

Tháng 02/2015, Nam Dược là một trong những doanh nghiệp dược được trao tặng Giải Vàng chất lượng quốc gia lần thứ hai cho những cam kết về chất lượng trong sản phẩm và dịch vụ mà doanh nghiệp cung cấp cho người tiêu dùng.

Tháng 09/2015, Nam Dược vinh dự nhận giải thưởng chất lượng quốc tế Châu Á Thái Bình Dương. Điều này khẳng định chiến lược phát triển đúng đắn và bền vững của công ty khi lấy tiêu chí “ Cam kết chất lượng” là một trong những giá trị cốt lõi mà doanh nghiệp đang thực hiện.

Tháng 11/2015, Nam Dược được Bộ Lao động Thương Binh và Xã Hội phối hợp với Liên đoàn lao động Việt Nam trao tặng danh hiệu “ Doanh nghiệp vì người Lao động.

Năm 2016:

Nam Dược ký kết “mở rộng hợp tác theo hướng toàn diện” với Viện Dinh Dưỡng quốc gia trong việc nghiên cứu và phát triển các sản phẩm dinh dưỡng đặc biệt là sản phẩm cho người già và trẻ em.

Nam Dược ký kết hợp tác với tổ chức Helvetas tại Việt Nam (Biotrade) trong chiến dịch tuyên truyền nâng cao nhận thức trong cộng đồng về Dược liệu sạch.

Sản phẩm Siro ho cảm Ích Nhi được bình chọn là sản phẩm số 1 trong dòng Siro ho cảm đông dược trẻ em.

Năm 2017:

Nam Dược tiếp tục hợp tác với tổ chức Biotrade của Thụy Sĩ triển khai và được Bộ y tế thẩm định thành công vùng trồng Dược liệu Quất theo tiêu chuẩn GACP - WHO tại Vụ Bản – Nam Định. Đây cũng là một bước đi bền vững trong việc xây dựng, phát triển thương hiệu nhãn hàng Siro Ho Cảm Ích Nhi nói riêng và khẳng định định hướng đầu tư chú trọng cho chất lượng của các sản phẩm của Nam Dược nói chung. Đây là định hướng đúng đắn theo chiến lược phát triển Dược liệu mà Thủ tướng Chính phủ đã phát động.



Nam Dược được chọn là đơn vị điển hình trong mô hình phát triển vùng Dược liệu đạt tiêu chuẩn GACP-WHO, được Đài Truyền hình Việt Nam ghi hình, đưa tin trên các kênh thời sự quốc gia như VTV1, VTC1, VTC14 cùng các trang báo mạng như dantri.com.vn, vietnamnet.vn...

Là một trong số ít doanh nghiệp Dược áp dụng hệ thống điều hành, quản trị sản trị sản xuất bằng công nghệ cao theo tiêu chuẩn quốc tế - Hệ thống 3S ERP. Hệ thống 3S ERP sẽ quản lý chất lượng vận hành của nhà máy sản xuất Nam Dược với 3 khâu: Kiểm soát chất lượng nguyên liệu đầu vào, chất lượng trong quá trình sản xuất và chất lượng khi đã thành phẩm đưa ra thị trường. Điểm nhấn ưu việt của hệ thống quản lý 3S ERP là ở tính cập nhật, cảnh báo tức thì khi có các nghiệp vụ phát sinh trong doanh nghiệp sẽ giúp người quản lý hoàn toàn có thể truy xuất ngay được chất lượng sản phẩm và quá trình sản xuất mắc lỗi từ đâu và có những quyết định nhanh chóng, kịp thời, tránh tổn kém cho doanh nghiệp cũng như đảm bảo tốt nhất được chất lượng dược phẩm khi tới tay người tiêu dùng.

Nam Dược tiếp tục nhận giải thưởng Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao năm 2017, do Hội Doanh nghiệp Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao tổ chức. Cuộc điều tra bình chọn (thường niên) HVNCLC năm nay được tiến hành trong 3,5 tháng, với 17.300 phiếu đạt chuẩn, 380 cuộc phỏng vấn với 13.000 hộ gia đình, hàng nghìn đánh giá của người tiêu dùng từ các kênh trực tuyến và 3.000 điểm bán tại 12 tỉnh, thành phố. Vượt qua nhiều tiêu chí “chuẩn hội nhập”- được xây dựng dựa trên các bộ tiêu chuẩn cực kỳ nghiêm ngặt như GMP, ISO, HACCP,..., cùng với các tiêu chuẩn về sự ủng hộ của người tiêu dùng, trách nhiệm xã hội và sức cạnh tranh của doanh nghiệp, Nam Dược đã vinh dự trở thành doanh nghiệp đầu tiên trong số doanh nghiệp xuất sắc đạt danh hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2017.

Nam Dược ký kết hợp tác chiến lược với Viện Di Truyền Nông Nghiệp – Bộ Nông Nghiệp. Nhằm chuẩn hóa cây dược liệu ngay từ khâu chọn giống, nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao thành tựu KHCN về phát triển cây dược liệu để tạo ra các sản phẩm có chất lượng điều trị, mới đây, công ty cổ phần Nam Dược đã ký kết hợp tác chiến lược với Viện Di Truyền Nông Nghiệp trong dự án “Nghiên cứu ứng dụng khoa học và phát triển công nghệ trong sản xuất dược liệu giai đoạn 2018 – 2028”

Nhãn hàng Thuốc thảo dược Thông Xoang Tán Nam Dược vinh dự nhận giải thưởng “Sản phẩm số 1 dược tin và dùng trong dòng thảo dược trị viêm mũi xoang năm 2017”. Đây là giải thưởng do người tiêu dùng bình chọn thông qua chương trình bình chọn “Tin và Dùng” do Thời báo Kinh tế Việt Nam – Bộ Công Thương tổ chức.

Nhãn hàng Siro Ho Cẩm Ích Nhi vinh dự nhận giải thưởng “Sản phẩm – Dịch vụ uy tín – an toàn – chất lượng năm 2017”. Đây là giải thưởng nhằm tôn vinh các sản phẩm chất lượng cao, an toàn và hiệu quả phục vụ cho chăm sóc, bảo vệ, tăng cường sức khỏe cộng đồng, đặc biệt là trẻ nhỏ.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh:

Trong năm 2017, hoạt động chính của Công ty và các công ty con theo ngành nghề kinh doanh đã đăng ký tại các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, bao gồm:

Công ty Cổ phần Nam Dược:	Kinh doanh thuốc đông dược và thực phẩm chức năng do Công ty TNHH Nam Dược sản xuất.
Công ty TNHH Nam Dược:	Sản xuất và kinh doanh thuốc tân dược, đông dược và thực phẩm chức năng do chính Công ty sản xuất.
Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam	Kinh doanh thuốc tân dược, đông dược và thực phẩm chức năng do Công ty TNHH Nam Dược sản xuất.

- Địa bàn kinh doanh: Trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này,

Hội đồng quản trị

Ông Lê Xuân Hạnh
 Ông Nguyễn Văn Giang
 Bà Dương Thị Lan
 Ông Hoàng Minh Châu
 Ông Lê Văn Sản

Chủ tịch
 Phó Chủ tịch
 Thành viên
 Thành viên
 Thành viên

Ban kiểm soát

Bà Vũ Thị Nga
 Ông Phạm Thành Đạt
 Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương

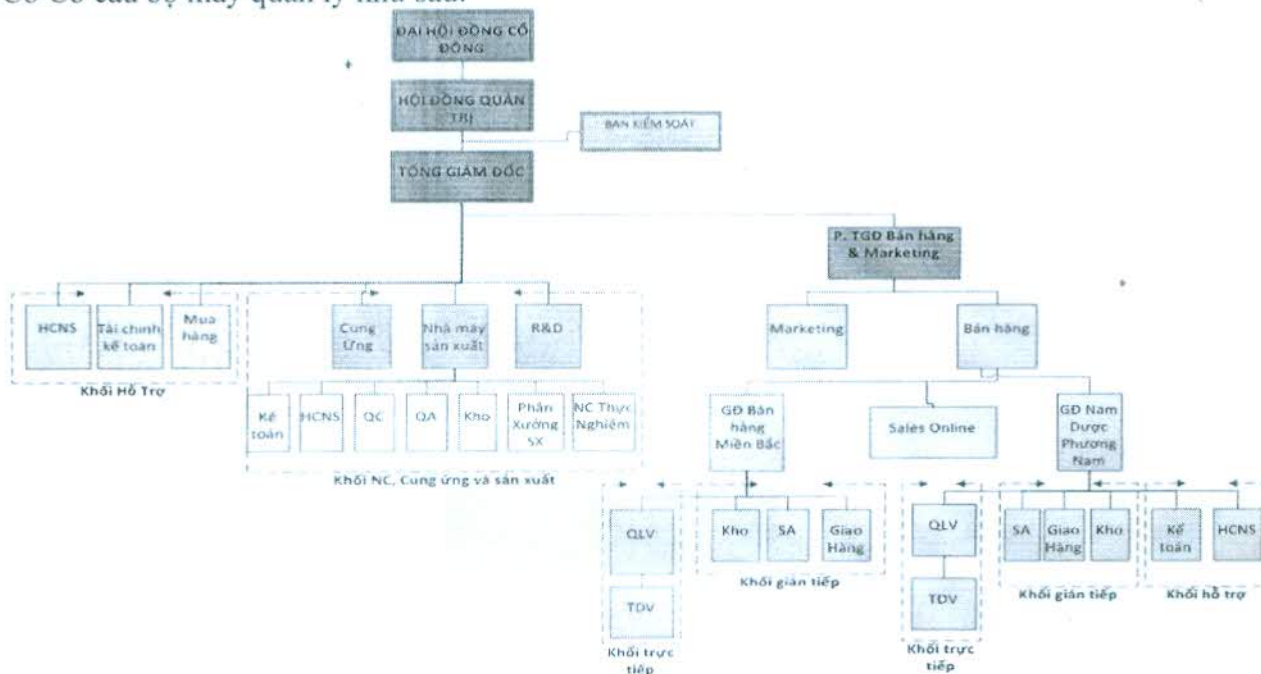
Trưởng Ban kiểm soát
 Thành Viên
 Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Minh Châu
 Ông Lê Văn Sản

Tổng Giám đốc
 Phó Tổng Giám đốc

Cơ Cấu bộ máy quản lý như sau:



- Các công ty con, công ty liên kết: Tại ngày 31/12/2017, các công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động bao gồm:

Tên công ty con	Địa chỉ trụ sở	Tỷ lệ quyền biểu quyết /số hũu	Vốn điều lệ (tỷ VND)
Công ty TNHH MTV Nam Dược	Lô M13(C4-9), Khu công nghiệp Hòa Xá, Thành phố Nam Định	100%	30
Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam	U12, Đường Bạch Mã, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh	100%	1

- Đơn vị trực thuộc: Công ty cổ phần Nam Dược – Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: Số 3, ngách 34/23, ngõ 34 đường Nguyễn Hồng, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

5. Định hướng phát triển bền vững:

5.1. Đầu tư cho chất lượng sản phẩm:

Nam Dược chú trọng phát triển dược liệu sạch và chuẩn hóa với hơn 80% dược liệu sử dụng là thuốc Nam cùng với 45 vùng trồng dược liệu trên cả nước như Dây thìa canh, Quất, Bạch chỉ tại Nam Định, Đương quy, Đan sâm, Tục đoạn, Cát cánh tại Lào Cai, Cà gai leo tại Hà Nội, Mạch môn, Khôi tía tại Phú Thọ, Húng chanh, Diệp hạ châu, Xạ can tại Phú Yên...Nam Dược coi chất lượng sản phẩm là yếu tố quan trọng nhất để có được khách hàng lâu dài.

5.2. Chiến lược nhân sự:

Nam Dược tổ chức tuyển dụng, đánh giá, đào tạo và huấn luyện thường xuyên để đội ngũ cán bộ nhân viên đảm đương được công việc theo vị trí được giao, cũng như xây dựng chính sách đãi ngộ hợp lý, xứng đáng, công bằng theo 3Ps, chú trọng sự hợp tác minh bạch trong tác nghiệp.

5.3. Tạo dựng bản sắc văn hóa riêng:

Văn hóa “Vi Khách hàng” bao gồm khách hàng tiêu dùng, khách hàng trung gian và khách hàng nội bộ được chú trọng đầu tiên, khách hàng hài lòng thì Nam Dược mới tồn tại và phát triển bền vững, chính sách chăm sóc khách hàng ngày càng được triển khai đa dạng, hợp lý.

5.4. Quy trình quản trị khoa học:

Nam Dược chuẩn hóa các quy trình quản trị trong doanh nghiệp, từ giao việc, đánh giá theo BSC, KPI cho toàn thể nhân viên, đến quản trị bán hàng theo DMS... là những bước tiến trong quản trị để hệ thống hoạt động hiệu quả, thông suốt, đúng kế hoạch và tiến độ.

6. Các rủi ro:

- Ngành dược phẩm vẫn là một trong những ngành “nóng” của thị trường với sự tăng trưởng khoảng 17%/ năm. Sự cạnh tranh khốc liệt và sự thanh lọc của thị trường đang diễn ra rất mạnh. Niềm tin của người tiêu dùng bị lung lay, suy giảm nghiêm trọng do tình trạng vàng thau lẫn lộn và rối loạn trên thị trường (bao gồm cả rối loạn thông tin).
- Tình hình cung cấp nguyên liệu sản xuất thay đổi, đặc biệt là chất lượng và giá thành các dược liệu nhập từ Trung Quốc không ổn định và kém chất lượng...
- Khách hàng trung gian và người tiêu dùng trực tiếp ngày càng cao liên quan nhiều đến chất lượng hiệu quả điều trị của sản phẩm, uy tín của nhà cung cấp, giá cả hàng hóa và sự tư vấn của chuyên môn và người thân...

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Đơn vị tính : Triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2017	2017	2016	% 2017 so với 2016
Doanh thu thuần	275,000	333.018	264.424	125,9%
Lợi nhuận sau thuế	22,000	38.268	20.391	187,7%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2017 của CTCP Nam Dược

Doanh thu năm 2017 đạt 333.018 triệu đồng, tăng 25,9 % so với năm 2016 và hoàn thành 121,1% kế hoạch đề ra.

Lợi nhuận sau thuế đạt 38.268 triệu đồng, tăng 87,7 % so với năm 2016 và hoàn thành 173,9 % kế hoạch đề ra.

Ngoài chỉ tiêu doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra, năm 2017 Công ty còn đạt được những thành tích sau:

Hoạt động Marketing, xây dựng thương hiệu:

- Năm 2017, các hoạt động MKT của Nam Dược chú trọng vào các nhãn hàng chiến lược như Siro ho cảm Ích nhi, Bảo xuân, Thông xoang tán, Diabetna... với điểm nhấn là “Dược liệu sạch, chuẩn hóa đạt tiêu chuẩn Thực hành trồng trọt và thu hái Dược liệu sạch của Tổ chức Y tế thế giới GACP-WHO” do khách hàng ngày càng e ngại về dược liệu bản trên thị trường, đây cũng là thế mạnh khác biệt của Nam Dược so với nhiều công ty sử dụng dược liệu thuốc bắc nhập khẩu.

- Bên cạnh đó, song song với việc đẩy mạnh thương hiệu của nhãn hàng chiến lược, thì thương hiệu Nam Dược cũng được chú trọng xây dựng theo định hướng bền vững. Uy tín của thương hiệu được khẳng định, xây dựng từ việc nâng cao hiệu quả điều trị của sản phẩm. Từ việc đầu tư áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất với hệ thống quản trị chất lượng toàn diện theo tiêu chuẩn quốc tế 3S ERP, tới việc chuẩn hóa nguồn Gen Dược liệu thông qua ký kết hợp tác với Viện Di Truyền Nông nghiệp, chuẩn hóa vùng trồng Dược liệu đạt tiêu chuẩn GACP-WHO

- Một số sản phẩm của Nam Dược có sự tăng trưởng nhanh trong năm 2017 như Bảo Xuân, bộ sản phẩm Ích Nhi, Thuốc thảo dược Thông Xoang Tán Nam Dược. Năm 2017, Sản phẩm Siro ho cảm Ích Nhi được bình chọn là “Sản phẩm – Dịch vụ uy tín – an toàn – chất lượng năm 2017” và Thuốc thảo dược Thông Xoang Tán Nam Dược được người tiêu dùng bình chọn là “Sản phẩm số 1 được tin và dùng trong dòng thảo dược trị viêm mũi xoang năm 2017”.

Hoạt động bán hàng:

- Với chính sách mới về chia nhóm sản phẩm chiến lược và nhóm sản phẩm bán điểm. Với các sản phẩm bán điểm, Nam Dược thực hiện quản trị địa bàn đối với khách hàng bán điểm theo mô hình độc quyền tại địa bàn và cam kết bán đúng giá, đồng thời điều chỉnh ngân sách marketing cho các sản phẩm này sang thành ngân sách chiết khấu cho các nhà thuốc bán điểm để họ ưu tiên giới thiệu hàng Nam Dược. Khi khách hàng trung gian là nhà thuốc có lợi nhuận cao từ hoạt động bán hàng bán điểm họ sẽ gắn bó hơn với công ty và chú trọng bán các hàng của Nam Dược nhiều hơn. Năm 2017, Công ty đã ký được hợp đồng với 3000 nhà thuốc trên toàn quốc. Doanh số bán hàng bán điểm năm 2017 tăng trưởng 82 % so với năm 2016.

- Đối với nhóm hàng chiến lược: Nam Dược quyết tâm thực hiện chính sách bình ổn giá bán ra cho nhà thuốc trên toàn quốc trên tinh thần học hỏi các doanh nghiệp đi trước đã làm thành công. Nam Dược đã bỏ qua một bước ở trung gian phân phối là các đại lý để bán thẳng sản phẩm về tới từng nhà thuốc nhỏ lẻ trên toàn quốc. Việc này giúp công ty gắn bó sâu sát với từng nhà thuốc, kết hợp với việc áp dụng phần mềm quản lý bán hàng tiên tiến DMS làm với hệ thống bán hàng giúp công ty quản lý được chi tiết số liệu bán hàng tại bất kỳ thời điểm nào, số liệu bán hàng minh bạch hơn rất nhiều do bỏ đi một khâu trung gian. Kết hợp giữa việc thay đổi ở kênh phân phối và chính sách bình ổn giá giúp công ty gia tăng nhanh độ bao phủ trên thị trường từ việc trung bình chỉ bán

cho khoảng 6.000 khách hàng/tháng đầu năm 2017, đến cuối năm 2017 công ty đã bán trung bình 8.000 khách hàng/tháng, tháng cao nhất đạt được con số 10.500 nhà thuốc và doanh số bán hàng cũng tăng trưởng tương ứng. Các nhà thuốc trung gian thông qua việc thực hiện chính sách bình ổn giá đã có được mức lợi nhuận cao hơn, hạn chế việc cạnh tranh không lành mạnh giữa các nhà thuốc đẩy giá bán sản phẩm xuống thấp. Năm 2018 Nam Dược dự kiến sẽ gia tăng độ bao phủ bình quân hàng tháng lên 11.000 khách hàng.

-Sức mạnh hệ thống được sử dụng tối đa hiệu quả với số lượng nhân viên bán hàng trực tiếp cả nước vẫn duy trì ổn định là 120 nhân viên. Dự kiến trong năm 2018 nhân sự trình dược viên sẽ tăng 12% để gia tăng khai thác địa bàn, mở rộng độ phủ hàng và gia tăng doanh số bán hàng.

-Hình ảnh nhân sự tại địa bàn được chuẩn hóa để tạo ra hình ảnh nhận diện chuyên nghiệp về tác phong, trang phục, công cụ làm việc DMS. Nhân sự của công ty tiếp tục được tuyển dụng, đào tạo, huấn luyện để nâng cao chất lượng năng lực, đồng thời chuẩn hóa quy trình làm việc và kiểm soát nhằm nâng cao hiệu suất làm việc của hệ thống.

-Triển khai chính sách bán hàng theo câu lạc bộ (Kim cương, Vàng, Bạc) với các chính sách bán hàng và chăm sóc khách hàng ưu đãi đã thu hút được nhiều khách hàng tham gia nên tạo được sự cam kết ủng hộ với doanh số ổn định. Tổ chức thêm nhiều chương trình tri ân khách hàng, mời khách hàng đi thăm nhà máy sản xuất, thăm các vùng trồng dược liệu đạt tiêu chuẩn GACP-WHO để khách hàng thêm tự tin về chất lượng sản phẩm của Nam Dược.

-Doanh số bán hàng ETC do công ty đối tác là Dược phẩm An đầu thầu đưa vào bệnh viện tiếp tục tăng trưởng ổn định, đặc biệt các thuốc như Thấp khớp Nam Dược, Bỏ huyết Ích não, Cốt linh diệp, Kim tiền thảo...

Hoạt động nghiên cứu và phát triển:

Trong năm 2017, Công ty chú trọng hoạt động nghiên cứu phát triển, tập trung vào việc nghiên cứu sản phẩm mới và nâng cấp sản phẩm cũ theo định hướng bộ sản phẩm, trên cơ sở nghiên cứu sâu về thị trường, nghiên cứu bào chế để tung ra thị trường như: Cải tiến hoàn thiện bộ sản phẩm Siro Ho cảm Ích Nhi bao gồm việc cho ra đời sản phẩm mới Ích Nhi ho cảm 3+ dành cho lứa tuổi trẻ em lớn, thêm siro ho cảm Ích Nhi dạng gói 5ml mới để sử dụng và an toàn với trẻ em. Bên cạnh Ho cảm Ích Nhi, năm 2017, Bộ phận nghiên cứu cùng nhà máy sản xuất đã triển khai đầu tư dây chuyền ống bẻ, cải tiến chất lượng, cải tiến mùi vị, đưa ra một số sản phẩm như Calci D, Calci D plus, Tăng đề kháng ích nhi, Thanh nhiệt tiêu độc ích nhi, ăn ngon Ích nhi để tiện sử dụng cho người dùng, nâng cao hiệu quả của sản phẩm cũ, tạo lợi thế bán hàng. Cải tiến sản phẩm Bách xà dạng viên để có chất lượng và hiệu quả điều trị cao hơn. Cuối năm 2016 đưa ra viên ngậm An Thanh, năm 2017 hoàn thiện bộ sản phẩm này bằng việc ra tiếp dạng Siro An Thanh được khách

hàng nhà thuốc và người tiêu dùng đánh giá cao hiệu quả, đem lại doanh thu tốt. Ngoài các bộ sản phẩm ngày càng được đầu tư kỹ hơn trong khâu nghiên cứu thì một số sản phẩm mới cũng được đưa ra như: Bài Sôi Nam Dược, Viên uống giải rượu Nam Dược và Dung dịch Giải rượu, Hamega plus... Để đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững, năm 2017 hoạt động nghiên cứu hướng tiến hành triển khai các nghiên cứu thị trường, nghiên cứu công nghệ, nghiên cứu lâm sàng sản phẩm như: Thông xoang, Diabetna, An thảo... Đặc biệt là nhóm mỹ phẩm theo hướng điều trị với các sản phẩm từ thảo dược như dầu gội, nước súc miệng có nguồn nguyên liệu là các bài thuốc và cây thuốc tại Việt Nam.

Hoạt động cung ứng và sản xuất:

Năm 2017, Nam Dược đã thẩm định thành công 02 vùng* trồng dược liệu đạt tiêu chuẩn GACP- WHO như vùng trồng Quất tại Vụ Bản Nam Định, Vùng trồng Dây Thìa Canh tại Hải Hậu – Nam Định nhằm đảm bảo chất lượng dược liệu cho những sản phẩm chiến lược của công ty như Siro Ho cảm Ích Nhi và Diabetna... Hoạt động triển khai thử nghiệm các vùng trồng dược liệu như Cát cánh, Đậu tương, Mạch môn... để tiếp tục chương trình chuẩn hóa nguồn dược liệu sạch cho năm 2018 và các năm tiếp theo.

Song song với việc chuẩn hóa các vùng dược liệu để đảm bảo nguồn nguyên liệu đầu vào, Nam Dược tiến hành hợp tác về dược liệu với các đơn vị chuyên môn như Viện dược liệu, Viện bảo vệ thực vật, Cục Y học cổ truyền, tổ chức Halvitas của Thụy sỹ, tổ chức Traffic.. với mục đích nâng cao nhận thức của người tiêu dùng với các sản phẩm từ dược liệu của Việt Nam và tiến tới mục tiêu xuất khẩu dược liệu thô và các sản phẩm là thuốc và thực phẩm chăm sóc sức khỏe có nguồn gốc thuốc nam ra thị trường thế giới.

Ngoài ra, Nam Dược cũng hợp tác với gần 70 nhà cung cấp trong và ngoài nước nhằm tiến hành kiểm tra đánh giá và lựa chọn những nhà cung cấp đạt chuẩn theo quy trình chọn lựa rất nghiêm ngặt. Các nguồn nguyên liệu, dược liệu, bao bì được tổ chức đánh giá theo từng lô cho từng sản phẩm. Nam Dược kết hợp với các nhà cung cấp đánh giá tiêu chuẩn đầu vào tại thực địa, xem xét các quá trình cải tiến để nâng cao chất lượng hàng hóa ngay từ phía nhà cung cấp.

Hoạt động sản xuất vẫn duy trì các tiêu chuẩn quản lý chất lượng từ bộ tích hợp tiêu chuẩn IMS. Năm 2017, Nam Dược triển khai áp dụng hệ thống điều hành, quản trị sản trị sản xuất bằng công nghệ cao theo tiêu chuẩn quốc tế - Hệ thống 3S ERP. Hệ thống 3S ERP sẽ quản lý chất lượng vận hành của nhà máy sản xuất Nam Dược với 3 khâu: Kiểm soát chất lượng nguyên liệu đầu vào, chất lượng trong quá trình sản xuất và chất lượng khi đã thành phẩm đưa ra thị trường.

Hoạt động Tài chính:



Hoạt động tài chính được đánh giá khá lành mạnh, ổn định, cập nhật kịp thời tình hình kinh doanh của công ty đảm bảo các quyết định quản trị kịp thời của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Hoạt động nhân sự:

Hoạt động Tuyển dụng: Được chuẩn hóa và cho kết quả nhân sự đầu vào chất lượng hơn, minh bạch và công bằng hơn;

Hoạt động đào tạo được tổ chức nhiều và phù hợp với từng đối tượng. Năm 2017, đã tổ chức được các khóa đào tạo quan trọng: Đào tạo nâng cao kỹ năng chuyên môn cho Giám đốc bán hàng, Quản lý vùng để tạo năng lực cạnh tranh, Đào tạo định hướng đội ngũ và cách chăm sóc khách hàng, tạo dựng mối quan hệ khách hàng; đào tạo các khóa học về kiến thức sản phẩm, một số kỹ năng chuyên môn khác.

Hoạt động đánh giá – sàng lọc nhân sự: Đã tổ chức đánh giá KPI toàn bộ nhân viên hàng tháng, 06 tháng. Áp dụng chính sách lương 3P cho toàn Công ty. Qua đó có chính sách khuyến khích nhân viên xuất sắc và phạt hoặc cho thôi việc những nhân sự kém chất lượng.

Thực hiện hoạt động truyền thông nội bộ: Các hoạt động phúc lợi như nghỉ mát, teambuilding đã góp phần gắn kết tinh thần của cán bộ nhân viên công ty góp phần khẳng định bản sắc văn hóa doanh nghiệp,.

Danh sách Ban điều hành:

Họ và tên	Chức vụ	Lý lịch	Số cổ phần nắm giữ
Hoàng Minh Châu	Tổng giám đốc	Thạc sĩ dược Sinh năm 1974	189500
Lê Văn Sản	Phó Tổng giám đốc	Dược sĩ Sinh năm 1983	16000
Trần Thị Anh Đức	Kế toán trưởng	Cử nhân Sinh năm 1980	không
Phạm Văn Đông	Giám đốc công ty TNHH Nam Dược	Dược sĩ Sinh năm 1981	24000
Nguyễn Văn Thành	Giám đốc công ty TNHH Nam Dược Phương Nam	Cử nhân Sinh năm 1984	không

Khuất Văn Mạnh	Trưởng phòng Nghiên cứu - Phát triển	Thạc sỹ Dược Sinh năm 1980	10900
Phạm Vũ Phong	Trưởng phòng Cung ứng	Dược sỹ Sinh năm 1983	15000
Đỗ Thị Tuyên	Trưởng phòng Hành Chính Nhân sự	Cử nhân Sinh năm 1974	4500
Phạm Quang Hòa	Giám đốc bán hàng Miền Bắc	Cử nhân Sinh năm 1984	không
Lưu Thị Gấm	Trưởng phòng Marketing	Thạc sỹ Dược Sinh năm 1983	Không

Những thay đổi trong ban điều hành: Không có thay đổi trong năm 2017

Số lượng cán bộ, nhân viên: Tổng số Cán bộ nhân viên toàn hệ thống:

Trình độ	Số lượng	Tỷ lệ %
Tổng số	461	100%
Trên đại học	07	1.5%
Đại học	122	26.5%
Cao đẳng	61	13.0%
Trung cấp	162	35.0%
Sơ cấp + khác	109	24.0%

2. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Năm 2017, Công ty thực hiện đầu tư dự án xây dựng trụ sở văn phòng công ty tại Hà Nội đã xin ý kiến của ĐHCĐ thường niên năm 2017 với tổng mức đầu tư lên tới 90 tỷ đồng. Hiện đã thực hiện được các hạng mục như: Thiết kế tổng thể, đấu thầu công khai và lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng. Dự án đang thi công phần thô và dự kiến sẽ hoàn thành cuối năm 2018.

3. Các công ty con, công ty liên kết:

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016	% tăng giảm
----------	----------	----------	-------------

Tổng giá trị tài sản	223.972	174.181	128,6%
Doanh thu thuần	333.018	264.424	125,9%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	40.410	21.570	187,3%
Lợi nhuận khác	17	0	
Lợi nhuận trước thuế	40.427	21.570	187,4%
Lợi nhuận sau thuế	38.268	20.391	187,7%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	3,07	3,90	
+ Hệ số thanh toán nhanh: [(TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	1,80	2,31	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,27	0,2	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,37	0,26	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	2,86	1,98	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,49	1,52	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,11	0,08	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,23	0,15	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,17	0,12	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,12	0,08	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ phần:

Tổng số cổ phần : 5.680.000 (Năm triệu sáu trăm tám mươi ngàn) cổ phần

Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu cổ đông	Tổng số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %
Cổ đông lớn (Người nắm $\geq 5\%$)	1.739.450	30,63
Cổ đông tổ chức	283.100	4,98%
Cổ đông nhỏ (Người nắm $< 5\%$)	3.657.450	64,39%
Tổng	5.680.000	100 %

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không giao dịch

Các chứng khoán khác: Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Tổng quan về hoạt động kinh doanh 2017

Năm 2017, Nam Dược vẫn tiếp tục theo đuổi định hướng phát triển bền vững, nghiên cứu thị trường và công nghệ để đầu tư nghiên cứu sản phẩm mới cho tương lai nhằm nâng cao chất lượng hiệu quả điều trị của sản phẩm. Các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận năm 2017 sau khi đã được Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán và chốt số liệu như sau:

Đơn vị tính : Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016	% tăng giảm 2017/2016
Tổng tài sản	223.972	174.181	128,6%
Doanh thu thuần	333.018	264.424	125,9%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	40.410	21.570	187,3%
Lợi nhuận khác	17		
Lợi nhuận trước thuế	40.427	21.570	187,4%
Lợi nhuận sau thuế	38.268	20.391	187,7%
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,11	0,08	
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	23%	15%	
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	17%	12%	
Tỷ suất Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần(%)	12%	8%	

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2017 của CTCP Nam Dược

Về doanh thu: Doanh thu thuần năm 2017 đạt 333.018 triệu đồng, tăng 25,9% so với năm 2016 và đạt 121,1% so với kế hoạch đề ra.

Về Lợi nhuận: Lợi nhuận sau thuế năm 2017 đạt 38.268 triệu đồng, tăng 87,7% so với năm 2016 và đạt 173,9% so với kế hoạch đề ra.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần năm 2017 đạt 11%, tăng 49% so với năm 2016; Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu năm 2017 đạt 23%, tăng 59% so với năm 2016.

Nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước: Năm 2017, Nam Dược thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế với Nhà nước và nộp ngân sách 16.851 triệu đồng.

So với chỉ tiêu kinh doanh theo biên bản họp đại hội đồng cổ đông công ty cổ phần Nam Dược năm 2017, các chỉ tiêu kinh doanh thực hiện trong năm 2017 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	% thực hiện so với KH
Vốn điều lệ	56.800	56.800	100%
Doanh thu thuần	275.000	333.018	121,1%
Lợi nhuận sau thuế	22.000	38.268	173,9%
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	8%	11%	149%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2017 của CTCP Nam Dược

Cơ cấu doanh thu tự doanh và bao tiêu như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2017	
	Giá trị	Tỷ trọng
Tự phân phối	225.623	67,8%
Bán bao tiêu	107.395	32,2%
Tổng		100%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2017 của CTCP Nam Dược

2. Tình hình tài chính

Các chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016	So sánh 2017/2016
Hệ số thanh toán ngắn hạn	3,07	3,90	0,79
Hệ số thanh toán nhanh	1,80	2,31	0,78
Tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,37	0,26	1,44

Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2017 là 3,07 giảm 0,21 lần so với năm 2016 và tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu năm 2017 là 0,37 tăng 0,44 lần so với năm 2016.

Những tiến bộ công ty đã đạt được (Như đã tổng kết và phân tích phần 1)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2017, Nam Dược về cơ bản không có biến động về cơ cấu tổ chức so với năm 2016;

Về chính sách quản lý, Nam Dược chú trọng phương pháp quản trị mục tiêu (BSC) trong toàn hệ thống và hệ thống đánh giá nhân sự theo kết quả công việc (KPI); Nam Dược luôn đặt ra những tầm nhìn thách thức và tìm các mô hình tiên tiến của thế giới với sự hỗ trợ của các chuyên gia để định hình rõ hướng đi phù hợp.

1. Kế hoạch phát triển trong tương lai

1. Tiếp tục định hướng chiến lược trở thành đại diện của thương hiệu thuốc Nam của người Việt với những thương hiệu sản phẩm dẫn đầu tại Việt Nam và xuất khẩu ra thế giới.
2. Nhân sự, công nghệ, nghiên cứu phát triển là những lĩnh vực sẽ được chú trọng đầu tư trong tương lai gần; Đối với một doanh nghiệp Dược thì công nghệ và Nghiên cứu phát triển phải là yếu tố có tính then chốt và quyết định tương lai dài hạn của doanh nghiệp; Bên cạnh tích lũy kinh nghiệm bào chế theo tri thức Y học cổ truyền thì Nam Dược sẽ phải ứng dụng những công nghệ bào chế hàng đầu, nhằm nâng cao giá trị của các sản phẩm, phục vụ cộng đồng tốt hơn;
3. Sau giai đoạn ổn định và phục hồi bước sang giai đoạn mới, Nam Dược sẽ chuẩn hóa lại cơ cấu tổ chức và ưu tiên phát triển nguồn lực nhân sự, phục vụ cho chiến lược dẫn đầu;
4. Cân bằng hợp lý các nhóm lợi ích (Cổ đông - Đối tác bao tiêu – Cán bộ công nhân viên). Lấy mục tiêu ổn định lợi nhuận cho doanh nghiệp và cổ tức cho cổ đông làm mục tiêu ưu tiên trong năm 2018 và những năm tiếp theo nhưng cần ưu tiên đầu tư để tận dụng cơ hội bứt phá và tạo lập vị thế của thương hiệu.

IV. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)



V. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:* Thống nhất với ý kiến của Ban Tổng giám đốc về các mặt hoạt động của công ty.
2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty:* Ban điều hành đã rất nỗ lực trong hoạt động điều hành để thu được kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2017.
3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:* Xây dựng chiến lược cho thời gian tới của Nam Dược và cùng Ban điều hành triển khai thực hiện chiến lược đã đề ra.

VI. Quản trị công ty :

1. Hội đồng quản trị

- Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức danh HĐQT	Số cổ phần sở hữu	Chức danh trong điều hành tại công ty
1	Lã Xuân Hạnh	Chủ tịch	139200	Thành viên không điều hành
2	Nguyễn Văn Giang	Phó chủ tịch	322200	Thành viên độc lập
3	Hoàng Minh Châu	Thành viên	189500	Tổng giám đốc
4	Lê Văn Sản	Thành viên	16000	Phó Tổng Giám đốc
5	Dương Thị Lan	Thành viên	382000	Thành viên độc lập

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có

Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

Số lượng và nội dung các buổi họp:

STT	Thời gian	Nội dung
1	Tháng 1	Thông qua dự kiến kế hoạch sản xuất, kinh doanh 2018
2	Tháng 3	Thông qua các báo cáo kiểm toán và quản trị sản xuất
3	Tháng 4	Thông qua các Nội dung ĐHCĐ 2017
4	Tháng 5	Triển khai các nghị quyết của ĐHCĐ
5	Tháng 10	Phê duyệt tờ trình trang bị TSCĐ cho Nam Dược Phương Na

6	Tháng 12	1. Phê duyệt kế hoạch kinh doanh năm 2018
---	----------	---

2. Kết quả các buổi họp:

STT	Số ký hiệu	Ngày tháng	Nội dung
1.	01A/2017/NQ-HĐQT	22/01/2017	Thông qua kế hoạch kinh doanh 2017
2.	01B/2017/NQ-HĐQT	22/01/2017	Thông qua kế hoạch sản xuất 2017
3.	02A/2017/NQ-HĐQT	04/03/2017	Thông qua báo cáo kiểm toán 2016
4.	02B/2017/NQ-HĐQT	04/03/2017	Thông qua báo cáo quản trị sản xuất năm 2017
5.	03A/2017/NQ-HĐQT	13/04/2017	Thông qua các nội dung tại Đại hội cổ đông 2017
6.	03B/2017/NQ-ĐHCD	24/04/2017	Thông qua phương án vay vốn ngân hàng để đầu tư xây dựng văn phòng tại Hà Nội
7.	04A/2017/NQ-HĐQT	05/05/2017	Triển khai nghị quyết ĐHĐCD 2017: Chi trả cổ tức 2016
8.	04B/2017/NQ-HĐQT	05/05/2017	Triển khai nghị quyết ĐHĐCD 2017: Chi trả thù lao HĐQT, BKS 2016
9.	04C/2017/NQ-HĐQT	05/05/2017	Triển khai nghị quyết ĐHĐCD 2017: Trích quỹ phúc lợi từ lợi nhuận 2016
10.	04D/2017/NQ-HĐQT	05/05/2017	Thành lập Ban dự án xây dựng văn phòng tại Hà Nội
11.	06A/2017/NQ-HĐQT	06/10/2017	Phê duyệt thu nhập của thành viên Ban Kiểm soát
12.	06B/2017/NQ-HĐQT	06/10/2017	Phê duyệt tờ trình trang bị tài sản cố định cho Công ty TNHH Nam Dược Phương Nam
13.	06B/2017/NQ-HĐQT	06/10/2017	Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2017
14.	07A/2017/NQ-HĐQT	28/12/2017	Thông qua đề xuất lựa chọn đối tác triển khai phần mềm ERP trong sản xuất
15.	07B/2017/NQ-HĐQT	28/12/2017	Thông qua đề xuất sửa chữa cải tạo một số hạng mục nhà xưởng

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:



STT	Họ và tên	Chức danh HĐQT	Số cổ phần sở hữu	Hoạt động
1	Lã Xuân Hạnh	Chủ tịch	139200	Hỗ trợ cho công tác nghiên cứu phát triển, Sản xuất
2	Nguyễn Văn Giang	Phó chủ tịch	322200	Hỗ trợ công tác Tài chính; kinh doanh
3	Dương Thị Lan	Thành viên	382000	Hỗ trợ công tác kinh doanh

3. Ban Kiểm soát

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức danh BKS	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %
1	Vũ Thị Nga	Trưởng ban	21.500	0,38
2	Phạm Thành Đạt	Thành viên	40.690	0,72
3	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	Thành viên	16.200	0,49

Hoạt động của Ban kiểm soát:

STT	Thời gian	Nội dung và kết quả
1	Tháng 7	Kiểm soát các hoạt động 6 tháng đầu năm; báo cáo kết quả giám sát hoạt động 6 tháng đầu năm
2	Tháng 12	Kiểm soát hoạt động năm 2017; báo cáo hoạt động năm 2017

4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: Năm 2017 toàn bộ thành viên hội đồng quản trị và ban kiểm soát không nhận thù lao theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2017.

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Thực hiện đúng quy định của pháp luật về quản trị công ty.

VII. Báo cáo tài chính

1. Báo cáo kiểm toán độc lập

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc



Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của đốc cũng như Ban Tổng Giám đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm 31/12/2016, Công ty TNHH Nam Dược Phương Nam - Công ty con của Công ty không thực hiện kiểm kê tiền mặt với số dư trên sổ kế toán là 6.916.763.720 VND. Điều này dẫn đến việc chúng tôi phải đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty. Tại thời điểm 31/12/2017, chúng tôi vẫn không được tiếp cận để tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt tại Công ty TNHH Nam Dược Phương Nam với số dư trên sổ kế toán là 2.121.819.435 VND. Với các tài liệu hiện có, bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi không khẳng định được tính hiện hữu của khoản mục này tại

thời điểm trên. Do đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nam Dược tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		121,184,147,995	139,084,399,002
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	25,189,481,739	23,565,994,010
111	1. Tiền		15,657,398,405	20,565,994,010
112	2. Các khoản tương đương tiền		9,532,083,334	3,000,000,000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		10,000,000,000	35,000,000,000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	10,000,000,000	35,000,000,000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		34,095,409,856	21,921,035,612
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	14,257,725,843	3,970,595,159
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	4,452,611,621	17,387,904,400
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	15,000,000,000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	385,072,392	562,536,053
140	IV. Hàng tồn kho	9	50,283,811,301	56,754,716,412
141	1. Hàng tồn kho		50,283,811,301	56,754,716,412
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1,615,445,099	1,842,652,968
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	279,177,435	486,583,902
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		932,604,305	34,463,900
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	403,663,359	1,321,605,166
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		102,787,933,353	35,096,863,275
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		153,000,000	445,621,000



212	1. Trả trước cho người bán dài hạn	6	-	292,621,000
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	153,000,000	153,000,000
220	II. Tài sản cố định		98,048,081,851	30,648,982,846
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	27,364,436,813	30,648,982,846
222	- Nguyên giá		108,583,330,425	106,315,587,615
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(81,218,893,612)	(75,666,604,769)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	70,683,645,038	-
228	- Nguyên giá		71,619,053,998	801,428,129
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(935,408,960)	(801,428,129)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		1,380,355,250	1,639,813,341
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	1,380,355,250	1,639,813,341
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	255,000,000	255,000,000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		255,000,000	255,000,000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		2,951,496,252	2,107,446,088
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	2,561,895,605	1,902,170,128
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31	389,600,647	205,275,960
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		223,972,081,348	174,181,262,277
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		60,494,457,515	35,642,562,932
310	I. Nợ ngắn hạn		39,494,457,515	35,642,562,932
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	19,056,382,414	10,065,563,227
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		307,000	385,632,919
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	1,688,235,724	995,515,894
314	4. Phải trả người lao động		10,708,423,502	12,320,564,253
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	196,018,338	212,174,818
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	1,722,305,049	1,465,008,194
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	6,000,000,000	10,000,000,000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		122,785,488	198,103,627
330	II. Nợ dài hạn		21,000,000,000	-
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14	21,000,000,000	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		163,477,623,833	138,538,699,345
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	163,477,623,833	138,538,699,345
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		56,800,000,000	56,800,000,000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		56,800,000,000	56,800,000,000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		106,677,623,833	81,738,699,345
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		68,409,302,024	61,347,020,358
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		38,268,321,809	20,391,678,987
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		223,972,081,348	174,181,262,277



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	333,018,946,304	264,796,238,058
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	1,742,178,339	371,689,469
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		331,276,767,965	264,424,548,589
11	4. Giá vốn hàng bán	23	153,079,010,222	140,541,346,595
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		178,197,757,743	123,883,201,994
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	1,585,553,685	689,555,369
22	7. Chi phí tài chính	25	2,041,406,894	212,584,892
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		2,040,684,094	211,934,892
25	8. Chi phí bán hàng	26	107,591,125,018	72,161,478,549
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	29,740,766,671	30,628,614,089
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		40,410,012,845	21,570,079,833
31	11. Thu nhập khác	28	265,459,041	18,487,918
32	12. Chi phí khác	29	248,264,260	18,219,081
40	13. Lợi nhuận khác		17,194,781	268,837
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		40,427,207,626	21,570,348,670
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30	2,343,210,504	1,232,389,048
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	31	(184,324,687)	(53,719,365)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		38,268,321,809	20,391,678,987
61	18. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		38,268,321,809	20,391,678,987
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		-	-
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	6,737	3,590

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND



I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế	40,427,207,626	21,570,348,670
	2. Điều chỉnh cho các khoản		
02	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	6,119,433,444	5,968,648,099
04	Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(150,711)	-
05	Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	(1,425,402,974)	(703,191,733)
06	Chi phí lãi vay	2,040,684,094	211,934,892
07	Các khoản điều chỉnh khác	-	9,000,000,000
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	47,161,771,479	36,047,739,928
09	Tăng/giảm các khoản phải thu	(3,329,264,116)	1,841,194,388
10	Tăng/giảm hàng tồn kho	6,470,905,111	28,783,033,429
11	Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	7,305,153,191	9,991,342,395
12	Tăng/giảm chi phí trả trước	(452,319,010)	(141,889,015)
14	Tiền lãi vay đã trả	(2,030,086,491)	(232,982,872)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(1,586,839,466)	(1,876,763,115)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(2,114,486,039)	(747,828,330)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	51,424,834,659	73,663,846,808
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(67,208,566,779)	(16,579,627,240)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(160,000,000)	13,636,364
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(15,000,000,000)	(35,000,000,000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	25,000,000,000	3,100,000,000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	1,813,749,138	257,324,813
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(55,554,817,641)	(48,208,666,063)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu đi vay	52,000,000,000	10,000,000,000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay	(35,000,000,000)	(19,728,833,413)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(11,246,680,000)	(11,365,520,000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	5,753,320,000	(21,094,353,413)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	1,623,337,018	4,360,827,332



60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		23,565,994,010	19,205,166,678
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		150,711	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>25,189,481,739</u>	<u>23,565,994,010</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nam Dược là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003831 đăng ký lần đầu ngày 04/03/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 09 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101452595 ngày 25/12/2013.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Lô A7/D21, Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 56.800.000.000 VND (Năm mươi sáu tỷ, tám trăm triệu đồng), tương đương 5.680.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh thuốc tân dược, đông dược và thực phẩm chức năng.

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm 2017, Công ty sản xuất và phân phối thêm một số sản phẩm mới, đồng thời tăng giá bán và sản lượng hàng bán ra của các sản phẩm cũ dẫn tới lợi nhuận gộp từ bán hàng năm nay tăng 43,8% so với năm trước.

Cấu trúc tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2017 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính



- Công ty TNHH Nam Dược	Nam Định	100%	100%	Sản xuất, kinh doanh dược phẩm
- Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam	Hồ Chí Minh	100%	100%	Kinh doanh dược phẩm

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu



khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay,.... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.



Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.



Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 20	năm
- Máy móc, thiết bị	05	năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 04	năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	06 - 08	năm
- Phần mềm máy vi tính	03	năm
- Tài sản cố định vô hình khác	10	năm

Quyền sử dụng đất lâu dài được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và không trích khấu hao.

2.11 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 Chi phí phải trả



Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả...được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.17 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.18 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là hàng bán bị trả



Các khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

2.19 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào g

2.20 Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động t

2.21 Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Ưu đãi thuế

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 437/2005/VP5 ngày 15 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban nhân dân Nam Dược - Công ty con được hưởng ưu đãi thuế từ dự án đầu tư vào ngành nghề, lĩnh vực thuộc Danh

- Thuế suất 10% áp dụng trong thời gian 15 năm, kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh;
- Miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo.

Theo đó, năm 2017 là năm thứ 08 Công ty TNHH Nam Dược áp dụng ưu đãi thuế giảm 50% số thuế ph

2.22 Các bên liên quan



Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	2,338,095,309	8,210,669,004
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13,319,303,096	12,355,325,006
Các khoản tương đương tiền (*)	9,532,083,334	3,000,000,000
	25,189,481,739	23,565,994,010

(*) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng được gửi tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,5%/năm đến 5,5%/năm.

4. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	10,000,000,000	10,000,000,000	35,000,000,000	35,000,000,000
	10,000,000,000	10,000,000,000	35,000,000,000	35,000,000,000

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh TP. Nam Định; lãi suất 6,1%/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác



	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Dược (*)	255,000,000	-	255,000,000	-
	255,000,000	-	255,000,000	-

(*) Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Dược đã tạm ngừng hoạt động từ ngày 15/2/2006 và chính thức đóng mã số thuế từ ngày 21/09/2006.
Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Phải thu khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty TNHH Thiết bị Y tế 3M	1,815,454,658	1,193,047,754
- Các khoản phải thu khách hàng khác	12,442,271,185	2,777,547,405
	14,257,725,843	3,970,595,159
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	374,807,130	-

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Công ty TNHH Thương mại và Truyền thông Nguyễn Quân	-	-	1,578,552,000	-
- Ông Hoàng Minh Châu và bà Dương Thị Sáu	-	-	10,000,000,000	-
- Ông Lâm Thanh Vân	-	-	5,000,000,000	-
- Công ty Cổ phần Xây lắp Công nghiệp Thực phẩm	3,954,000,000	-	-	-
- Các đối tượng khác	498,611,621	-	809,352,400	-
	4,452,611,621	-	17,387,904,400	-

b) Dài hạn

- Ông Trần Châu Lâm	-	-	292,621,000	-
	-	-	292,621,000	-

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

Đây là khoản công ty con - Công ty TNHH Nam Dược cho bà Dương Thị Sáu vay theo Hợp đồng số 002/2017 ngày 23/10/2017 và Hợp đồng số 001/2017 ngày 09/10/2017 với tổng số tiền 15 tỷ đồng; mục đích vay là để hỗ trợ bà Sáu trong việc bổ sung vốn lưu động, phục vụ sản xuất kinh doanh; khoản cho vay có kỳ hạn 01 tháng; lãi suất 5,5%/năm; khoản vay được đảm bảo bằng tín chấp. Khoản vay này đã được gia hạn đến 23/04/2018.

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Tạm ứng	171,188,000	-	112,809,997	-
Ký cược, ký quỹ	10,000,000	-	10,000,000	-
Phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay	203,884,392	-	432,230,556	-
Phải thu khác	-	-	7,495,500	-
	385,072,392	-	562,536,053	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	153,000,000	-	153,000,000	-
	153,000,000	-	153,000,000	-

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	25,453,497,661	-	31,475,482,928	-
Công cụ, dụng cụ	74,716,364	-	72,427,443	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2,289,869,803	-	2,240,790,663	-
Thành phẩm	21,835,899,454	-	22,207,783,512	-
Hàng hóa	629,828,020	-	758,231,866	-



50,283,811,301

-

56,754,716,412

-

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Mua sắm	236,215,250	590,904,250
- Phần mềm quản lý hệ thống phân phối SALESUP (i)	10,651,750	372,044,250
- Phần mềm kế toán (ii)	225,563,500	218,860,000
Xây dựng cơ bản	1,144,140,000	1,048,909,091
- Công trình hệ thống xử lý nước thải (iii)	1,048,909,091	1,048,909,091
- Công trình Trụ sở Văn phòng Công ty Cổ phần Nam Dược (iv)	* 95,230,909	-
	1,380,355,250	1,639,813,341

(i) Hợp đồng cung cấp và cài đặt phần mềm quản lý hệ thống phân phối số HD/DMS/GESO-NAMDUOC/21092016 ký ngày 21/09/2016 giữa Công ty và Công ty TNHH Giải pháp Doanh nghiệp Toàn cầu. Tổng giá trị hợp đồng là 379.865.000 VND (trong đó, phí bản quyền là 368.692.500 VND). Tại ngày 31/12/2017, Công ty đã nghiệm thu phần phí bản quyền với tổng giá trị là 368.692.500 VND; giá trị còn lại chưa nghiệm thu là phần phí triển khai phần mềm.

(ii) Phần mềm kế toán được mua sắm từ năm 2013, tuy nhiên Công ty và nhà cung cấp vẫn chưa nghiệm thu, bàn giao để đưa vào sử dụng do một số chức năng của phần mềm chưa đáp ứng được và các lỗi từ phần mềm vẫn tiếp tục phát sinh.

(iii) Xây dựng lắp đặt hệ thống xử lý nước thải sản xuất 100 m³/ngày đêm theo Hợp đồng kinh tế số 2006/HĐKT/ND-VVCECI ngày 20/06/2016 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xây dựng và Môi trường Việt Nam. Tổng giá trị hợp đồng là 1.282.000.000 VND. Dự án dự kiến hoàn thành và đưa vào sử dụng trong Quý 1/2018.

(iv) Công trình Trụ sở Văn phòng Công ty Cổ phần Nam Dược tại Lô D2 + D4, Ô D7, Trương Công Giai, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Tổng mức đầu tư dự toán là 19.461.691.000 VND. Hạng mục chính của công trình gồm phần xây dựng; hệ thống cấp điện nặng, điện nhẹ; hệ thống cấp thoát nước được giao cho nhà thầu là Công ty Cổ phần Xây lắp Công nghiệp Thực phẩm theo Hợp đồng số 2109/2017/HĐXL/ND ngày 21/09/2017. Công trình được khởi công từ ngày 25/09/2017; thời gian thi công dự kiến là 270 ngày kể từ ngày khởi công. Tổng chi phí phát sinh lũy kế đến ngày 31/12/2017 là 95.230.909 VND (gồm phí thẩm tra hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công công trình; phí khoan khảo sát địa chất công trình và phí đo vẽ bản đồ hiện trạng tỷ lệ 1/500 công trình).

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
VND	VND	VND	VND	VND	VND

Nguyên giá



Số dư đầu năm	29,689,739,265	64,786,353,247	7,120,959,690	1,318,795,243	3,399,740,170	106,315,587,615
- Mua trong năm	-	1,473,831,000	1,000,918,182	153,468,000	68,181,819	2,696,399,001
- Đầu tư xây dựng cơ bản	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(428,656,191)	-	-	(428,656,191)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	29,689,739,265	66,260,184,247	7,693,221,681	1,472,263,243	3,467,921,989	108,583,330,425

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu năm	14,966,296,671	52,696,701,739	3,864,565,539	776,524,200	3,362,516,620	75,666,604,769
- Khấu hao trong năm	2,424,617,026	2,684,859,155	705,822,855	122,067,303	48,086,274	5,985,452,613
- Phân loại lại trong năm	(945,984,636)	957,916,449	-	-	(11,931,813)	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(428,656,191)	-	-	(428,656,191)
- Giảm khác	-	(4,507,579)	-	-	-	(4,507,579)
Số dư cuối năm	16,444,929,061	56,334,969,764	4,141,732,203	898,591,503	3,398,671,081	81,218,893,612

Giá trị còn lại

Tại ngày đầu năm	14,723,442,594	12,089,651,508	3,256,394,151	542,271,043	37,223,550	30,648,982,846
Tại ngày cuối năm	13,244,810,204	9,925,214,483	3,551,489,478	573,671,740	69,250,908	27,364,436,813

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng là 54.484.588.931 VND.



	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá TSCĐ				
Số dư đầu năm	801,428,129	-	-	801,428,129
- Mua trong năm (*)	70,098,933, 369	368,692,500	350,000,000	70,817,625,869
Số dư cuối năm	70,900,361,49 8	368,692,500	350,000,000	71,619,053,998
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	801,428,129	-	-	801,428,129
- Khấu hao trong năm	-	122,897,496	11,083,335	133,980,831
Số dư cuối năm	801,428,129	122,897,496	11,083,335	935,408,960
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	-	-	-	-
Tại ngày cuối năm	70,098,933,36 9	245,795,004	338,916,665	70,683,645,038

(*) Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất tăng trong năm do nhận chuyển nhượng từ ông Hoàng Minh Châu và bà Dương Thị Sáu (bên chuyển nhượng) theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 958/2016 và 959/2016 ngày 28 tháng 12 năm 2016 giữa bên chuyển nhượng và Công ty Cổ phần Nam Dược do ông Lê Văn Sơn - Phó Tổng Giám đốc ký duyệt, được phê duyệt theo Quyết định số 080/2016/QĐ-HĐQT của Hội đồng Quản trị ngày 16/12/2016. Đối tượng chuyển nhượng của hợp đồng là toàn bộ quyền sử dụng đất tại địa chỉ Lô A2 và A4, ô D7, khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CE 686421 và CE 686422. Tổng giá trị chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo các Hợp đồng trên là 70,09 tỷ đồng.

Tại thời điểm 31/12/2017, giá trị quyền sử dụng đất của Công ty với tổng nguyên giá là 70.098.933.369 VND đang được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Nam Định theo hợp đồng tín dụng số NAD.DN.145.240417 ngày 27/04/2017 (Xem Thuyết minh số 14).

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 801.428.129 VND.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	26,424,087	9,593,072
Chi phí quảng cáo, làm biển quảng cáo	92,607,152	108,906,223
Chi phí bảo hiểm xe ô tô	34,019,609	26,046,203
Phí duy trì tên miền, website	51,454,831	17,065,589
Chi phí thuê văn phòng	-	220,000,000
Các khoản khác	74,671,756	104,972,815



	<u>279,177,435</u>	<u>486,583,902</u>
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1,348,195,304	905,919,051
Phí xây dựng chiến lược kinh doanh và hệ thống quản lý nhân sự		16,414,156
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	801,886,403	490,479,456
Chi phí san lấp giải phóng mặt bằng tại Nhà máy của Công ty TNHH Nam Dược	170,085,885	199,666,029
Chi phí trả trước dài hạn khác	225,313,857	92,721,744
	<u>2,561,895,605</u>	<u>1,902,170,128</u>

14. VAY

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	10,000,000,000	10,000,000,000	22,000,000,000	32,000,000,000	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Nam Định	5,000,000,000	5,000,000,000	-	5,000,000,000	-	-
- Ông Phạm Thành Đạt	5,000,000,000	5,000,000,000	-	5,000,000,000	-	-
- Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Nam Định	-	-	22,000,000,000	22,000,000,000	-	-
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả		-	6,000,000,000	-	6,000,000,000	6,000,000,000
- Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Nam Định (*)	-	-	6,000,000,000	-	6,000,000,000	6,000,000,000
	<u>10,000,000,000</u>	<u>10,000,000,000</u>	<u>28,000,000,000</u>	<u>32,000,000,000</u>	<u>6,000,000,000</u>	<u>6,000,000,000</u>
	0	0				
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Nam Định (*)	-	-	30,000,000,000	3,000,000,000	27,000,000,000	27,000,000,000
	-	-	<u>30,000,000,000</u>	<u>3,000,000,000</u>	<u>27,000,000,000</u>	<u>27,000,000,000</u>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng			(6,000,000,000)	-	(6,000,000,000)	(6,000,000,000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	-	-			<u>21,000,000,000</u>	<u>21,000,000,000</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn

Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Nam Định theo hợp đồng tín dụng số NAD.DN.145.240417 ngày 27/04/2017 với số tiền vay là 30.000.000.000 VND. Khoản vay được sử dụng cho việc đầu tư mua hai lô đất (Lô A4, ô D7 và Lô A2, ô D7) tại khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội để xây trụ sở văn phòng Công ty Cổ phần Nam Dược. Thời hạn vay là 05 năm (từ ngày 28/04/2017 đến ngày 27/04/2022); nợ gốc thanh toán trong vòng 10 kỳ, mỗi kỳ 06 tháng kể từ ngày nhận được khoản giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay trong 06 tháng đầu là 8%/năm, 12 tháng tiếp theo là 9%/năm, sau đó lãi suất được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm lĩnh lãi cuối kỳ có kỳ hạn 13 tháng tại thời điểm xác định lãi suất cộng thêm (+) 2,5%/năm. Tài sản đảm bảo của khoản vay chính là hai lô đất trên.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND*	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Sản xuất Oai Hùng Constantia	-	-	926,589,742	926,589,742
Công ty TNHH Suheung Việt nam	801,900,000	801,900,000	1,000,780,000	1,000,780,000
Công ty TNHH Thương mại và Truyền thông Nguyễn Quân	-	-	924,509,091	924,509,091
Bà Đỗ Thị Hoa	919,448,000	919,448,000	1,025,138,600	1,025,138,600
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Bao Bì Sông Lam	524,474,830	524,474,830	768,792,026	768,792,026
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại và Truyền thông Ánh Dương	5,216,980,000	5,216,980,000	6,600,000	6,600,000
Công ty TNHH Quảng cáo Thương mại Sen Vàng	3,024,765,000	3,024,765,000	-	-
Các đối tượng khác	8,568,814,584	8,568,814,584	5,413,153,768	5,413,153,768
	19,056,382,414	19,056,382,414	10,065,563,227	10,065,563,227
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	180,000,000	180,000,000	-	-



16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	720,000,000	943,425,840	13,701,948,731	12,939,879,137	-	985,495,434
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	11,783,720	11,783,720	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	518,418,890	-	2,343,210,504	1,586,839,466	325,452,780	563,404,928
Thuế thu nhập cá nhân	43,186,276	52,090,054	2,173,659,009	2,084,265,618	12,947,579	111,244,748
Thuế tài nguyên	-	-	-	-	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	40,000,000	-	84,892,000	110,155,000	65,263,000	-
Thuế khác	-	-	-	-	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	146,190,614	118,100,000	-	28,090,614
	-	-	-	-	-	-
	-	-	-	-	-	-
	1,321,605,166	995,515,894	18,461,684,578	16,851,022,941	403,663,359	1,688,235,724

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay	19,972,603	9,375,000
Chi phí quảng cáo	-	8,400,000
Chi phí cước vận chuyển, cước viễn thông	38,903,716	31,604,676
Chi phí phải trả khác	137,142,019	162,795,142
	196,018,338	212,174,818

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	191,358,346	74,143,164
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn	689,000,000	660,000,000



hạn		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	672,080,000	558,760,000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	169,866,703	172,105,030
	1,722,305,049	1,465,008,194

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	56,800,000,000	65,483,632,179	122,283,632,179
Lãi trong năm trước	-	20,391,678,987	20,391,678,987
Điều chỉnh lợi nhuận chưa thực hiện các năm trước	-	7,870,000,000	7,870,000,000
Phân phối lợi nhuận	-	(12,006,611,821)	(12,006,611,821)
Số dư cuối năm trước	56,800,000,000	81,738,699,345	138,538,699,345
Lãi trong năm nay	-	38,268,321,809	38,268,321,809
Tăng khác (i)	-	69,770,579	69,770,579
Phân phối lợi nhuận (ii)	-	(13,399,167,900)	(13,399,167,900)
Số dư cuối năm nay	56,800,000,000	106,677,623,833	163,477,623,833

- (i) Tăng khác do điều chỉnh tiền thuê đất được miễn năm 2015 và điều chỉnh giảm khấu hao máy phân tích độ ẩm theo Biên bản thanh tra thuế năm 2015 và 2016 ngày 03/08/2017.
- (ii) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2017/NQĐHĐCĐ ngày 16 tháng 04 năm 2017, Công ty mẹ công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

	Số tiền VND
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1,019,583,950
Trích thù lao HĐQT, BKS	1,019,583,950
Chi trả cổ tức năm 2016 trên vốn điều lệ (tương ứng mỗi cổ phần nhận 2.000 VND)	11,360,000,000
	13,399,167,900

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2017 VND	Tỷ lệ %	01/01/2017 VND	Tỷ lệ %
Bà Dương Thị Sáu	14,174,500,000	24.96	14,174,500,000	24.96



Ông Nguyễn Văn Giang	3,220,000,000	5.67	3,220,000,000	5.67
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Trancorp	2,831,000,000	4.98	2,831,000,000	4.98
Các cổ đông khác	36,574,500,000	64.39	36,574,500,000	64.39
	56,800,000,000	100.0	56,800,000,000	100.0
		0		0

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	56,800,00	56,800,00
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	0,000	0,000
	56,800,00	56,800,00
	0,000	0,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	11,360,00	11,360,00
	0,000	0,000

d) Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5,680,000	5,680,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5,680,000	5,680,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5,680,000	5,680,000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5,680,000	5,680,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5,680,000	5,680,000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10000. VND/cổ phiếu

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	31/12/2017	01/01/2017
USD	380.16	402.16
EUR	88.20	99.20

21. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	333,018,946,304	264,796,238,058
	333,018,946,304	264,796,238,058
Doanh thu đối với các bên liên quan	27,105,761,197	21,785,957,370

22. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

Năm 2017 Năm 2016

	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	1,742,178,339	371,689,469
	<u>1,742,178,339</u>	<u>371,689,469</u>
23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa và thành phẩm đã bán	153,079,010,222	140,541,346,595
	<u>153,079,010,222</u>	<u>140,541,346,595</u>
24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1,585,402,974	689,555,369
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	150,711	-
	<u>1,585,553,685</u>	<u>689,555,369</u>
25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	2,040,684,094	211,934,892
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	722,800	650,000
	<u>2,041,406,894</u>	<u>212,584,892</u>
26. CHI PHÍ BÁN HÀNG		
	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	661,532,288	229,879,742
Chi phí nhân công	37,748,797,821	30,920,132,774
Chi phí khấu hao tài sản cố định	310,384,276	142,606,209
Chi phí dịch vụ mua ngoài	68,104,183,029	40,264,252,999
Chi phí khác bằng tiền	766,227,604	604,606,825
	<u>107,591,125,018</u>	<u>72,161,478,549</u>
27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP		
	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1,005,995,967	1,020,728,483
Chi phí nhân công	16,801,994,373	19,952,955,186
Chi phí khấu hao tài sản cố định	958,259,567	970,539,195
Thuế, phí và lệ phí	185,539,132	136,798,286



Chi phí dịch vụ mua ngoài	9,352,917,401	7,141,268,172
Chi phí khác bằng tiền	1,436,060,231	1,406,324,767
	29,740,766,671	30,628,614,089

28. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	40,000,000	13,636,364
Thu nhập từ thanh lý công cụ, dụng cụ	200,000,000	-
Các khoản khác	25,459,041	4,851,554
	265,459,041	18,487,918

29. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Các khoản truy thu thuế GTGT, nộp phạt vi phạm hành chính và phạt chậm nộp thuế	245,143,150	8,002,536
Các khoản khác	3,121,110	10,216,545
	248,264,260	18,219,081

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Nam Dược	75,355,158	-
Công ty TNHH Nam Dược	2,231,015,880	1,232,389,048
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2,306,371,038	1,232,389,048
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	36,839,466	-
Thuế TNDN phải nộp/ (phải thu) đầu năm	(518,418,890)	125,955,177
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(1,586,839,466)	(1,876,763,115)
Thuế TNDN phải nộp/ (phải thu) cuối năm	237,952,148	(518,418,890)

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	389,600,647	205,275,960
	389,600,647	205,275,960

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	205,275,960	151,556,595
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(389,600,647)	(205,275,960)
	(184,324,687)	(53,719,365)

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	38,268,321,809	20,391,678,987
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	38,268,321,809	20,391,678,987
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5,680,000	5,680,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6,737	3,590

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hàng năm.

33. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	113,933,704,025	74,027,366,982
Chi phí nhân công	74,194,848,737	64,498,027,841
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6,119,433,444	5,968,648,099
Chi phí dịch vụ mua ngoài	80,808,561,980	41,528,337,418
Chi phí khác bằng tiền	4,312,335,089	21,202,693,437
	279,368,883,275	207,225,073,777

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				

Tiền và các khoản tương đương tiền	25,189,481,739	-	23,565,994,010	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	14,795,798,235	-	4,686,131,212	-
Các khoản cho vay	25,000,000,000	-	35,000,000,000	-
	<u>64,985,279,974</u>	<u>-</u>	<u>63,252,125,222</u>	<u>-</u>

Giá trị sổ kế toán
 31/12/2017 01/01/2017

VND

VND

Nợ phải trả tài chính

Vay và nợ	27,000,000,000	10,000,000,000
Phải trả người bán, phải trả khác	20,778,687,463	11,530,571,421
Chi phí phải trả	196,018,338	212,174,818

47,974,705,801

21,742,746,239

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công



cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày				
31/12/2017				
Tiền và tương đương tiền	25,189,481,739	-	-	25,189,481,739
Phải thu khách hàng, phải thu khác	14,642,798,235	153,000,000	-	14,795,798,235
Các khoản cho vay	25,000,000,000	-	-	25,000,000,000
	64,832,279,974	153,000,000	-	64,985,279,974
Tại ngày				
01/01/2017				
Tiền và tương đương tiền	23,565,994,010	-	-	23,565,994,010
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4,533,131,212	153,000,000	-	4,686,131,212
Các khoản cho vay	35,000,000,000	-	-	35,000,000,000
	63,099,125,222	153,000,000	-	63,252,125,222

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày				
31/12/2017				
Vay và nợ	6,000,000,000	21,000,000,000	-	27,000,000,000
Phải trả người bán, phải trả khác	20,778,687,463	-	-	20,778,687,463
Chi phí phải trả	196,018,338	-	-	196,018,338
	26,974,705,801	21,000,000,000	-	47,974,705,801
Tại ngày				
01/01/2017				
Vay và nợ	10,000,000,000	-	-	10,000,000,000
Phải trả người bán, phải trả khác	11,530,571,421	-	-	11,530,571,421
Chi phí phải trả	212,174,818	-	-	212,174,818

21,742,746,239

-

-

21,742,746,239

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

35. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

36. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là sản xuất, mua bán thuốc, dược phẩm và chỉ phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng hóa			
- Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân (*)	Bên liên quan khác	27,105,761,197	21,785,957,370
Ứng trước/ Thanh toán tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất			
- Ông Hoàng Minh Châu và Bà Dương Thị Sáu	Cổ đông lớn của Công ty - Vợ chồng Tổng Giám đốc	60,098,933,369	10,000,000,000
Thuê tài sản			
- Ông Hoàng Minh Châu	Tổng Giám đốc	200,000,000	200,000,000
Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:			
	Mối quan hệ	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu khách hàng			
- Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân (*)	Bên liên quan khác	374,807,130	-
Người mua trả tiền trước			
- Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân (*)	Bên liên quan khác	-	279,004,000
Trả trước cho người bán			
- Ông Hoàng Minh Châu và Bà Dương Thị Sáu	Cổ đông lớn của Công ty - Vợ chồng Tổng Giám đốc	-	10,000,000,000
Phải trả cho người bán			
- Ông Hoàng Minh Châu	Tổng Giám đốc	180,000,000	-

(*) Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân do Bà Dương Thị Sáu làm Giám đốc. Đồng thời, Bà Dương Thị Sáu cũng là cổ đông lớn và là vợ của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nam

Dược.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
- Thu nhập của Tổng Giám đốc	1,191,481,834	1,033,374,854
- Thu nhập của các thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị	1,558,038,908	703,059,240

38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



TỔNG GIÁM ĐỐC
Đs. Hoàng Minh Châu

